

**CÔNG TY TNHH GIẢI TRÍ TRUYỀN THÔNG ANGEL WING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI TRÍ TRUYỀN THÔNG ANGEL WING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANGEL WING COMMUNICATION ENTERTAINMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AWGEM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107909172

**3. Ngày thành lập:** 05/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 215 phố Tô Hiệu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912632075

Fax:

Email: [Angel.media2017@gmail.com](mailto:Angel.media2017@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                     | 8299        |
| 2.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5610        |
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức , xúc tiến quản lý sự kiện, triển lãm giới thiệu hội nghị<br>Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang thi người đẹp người mẫu                                                                                                                                  | 8230(Chính) |
| 4.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7310        |
| 5.  | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng<br>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng,<br>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ | 5629        |
| 6.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5911        |
| 7.  | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5912        |
| 8.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7911        |
| 9.  | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5914        |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7920        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8551 |
| 12. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>Chi tiết: - Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác;<br>- Dạy hội hoạ;<br>- Dạy kịch;<br>- Dạy Mỹ thuật;<br>- Dạy nghệ thuật biểu diễn;<br>- Dạy nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8552 |
| 13. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8559 |
| 14. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết:<br>- Tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu khác: (không bao gồm hoạt động vũ trường)<br>+ Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc,<br>+ Hoạt động của các nghệ sỹ đơn lẻ như các tác giả, diễn viên, đạo diễn, nhà sản xuất, nhạc sỹ, nhà diễn thuyết, hùng biện hoặc dẫn chương trình, người thiết kế sân khấu và các chủ thầu, v.v...,<br>+ Hoạt động của các nhà hát và các phòng hoà nhạc và các cơ sở nghệ thuật khác,<br>+ Hoạt động của các nhà điêu khắc, họa sỹ, người vẽ tranh biếm hoạ, thợ chạm khắc, thợ khắc axit v.v...<br>+ Hoạt động của các nhà văn, cho mọi đối tượng bao gồm cả viết hư cấu và viết về kỹ thuật v.v...,<br>+ Phục chế các tác phẩm nghệ thuật như vẽ lại v.v...;<br>- Hoạt động của các nhà sản xuất hoặc các nhà thầu về các sự kiện trình diễn nghệ thuật trực tiếp, có hoặc không có cơ sở. | 9000 |
| 15. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9321 |
| 16. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển<br>- Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9329 |
| 17. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1812 |
| 18. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9311 |
| 19. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1811 |
| 20. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thương xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5621 |

|     |                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video | 5913 |
| 22. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                            | 5510 |
| 23. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế                                                                  | 7912 |
| 24. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                             | 7320 |
| 25. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                 | 8532 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHAN ANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 27/01/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012647501

Ngày cấp: 30/05/2013

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 506B-D6, tổ 79, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 506B-D6, tổ 1, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN DUY THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/04/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012885612

Ngày cấp: 06/08/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thống Nhất, Xã Kim Lan, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thống Nhất, Xã Kim Lan, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHAN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 27/01/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012647501

Ngày cấp: 30/05/2013

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 506B-D6, tổ 79, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 506B-D6, tổ 1, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội